TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **171/**2020/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 26 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 144/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Lê Huyền T**, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà xxx, tổ xx, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Số nhà xxx, tổ xx, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà xxx, tổ xx, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Lê Huyền T và anh Nguyễn Tiến D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2015 cho anh Nguyễn Tiến D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Lê Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Tiến D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Lê Huyền T và anh Nguyễn Tiến D cùng xác định không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Nguyễn Lê Huyền T và anh Nguyễn Tiến D cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Lê Huyền T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000417 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Lê Huyền T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Tiến D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. T (2 bản);
- THADS TP. T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường T (để biết);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. T.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn